

Số: /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải,  
xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 17/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 44/TTr-SXD ngày 03/02/2026, Báo cáo số 83/BCTĐ-SXD ngày 03/02/2026 và báo cáo tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 473/VP-NNXD ngày 04/02/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045, với những nội dung chủ yếu như sau:

#### 1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- Đô thị Trí Phải nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Cà Mau, thuộc trung tâm của xã Trí Phải mới, là cửa ngõ, đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Bắc của tỉnh

Cà Mau, kết nối trực tiếp với tỉnh An Giang qua Quốc lộ 63. Sau khi sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên xã Trí Phải (cũ), toàn bộ diện tích tự nhiên xã Tân Phú (cũ) và toàn bộ diện tích tự nhiên xã Trí Lược (cũ), quy mô diện tích tự nhiên toàn xã Trí Phải mới là 166,638 km<sup>2</sup> (dân số 49.770 người). Trong đó khu vực đô thị Trí Phải (xã Trí Phải cũ) có diện tích là 3.744,7 ha (khoảng 37,44 km<sup>2</sup>).

- Phạm vi: Ranh giới lập quy hoạch chung đô thị Trí Phải trên địa bàn toàn xã Trí Phải (cũ), bao gồm 07 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6 và Ấp 10.

- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp tỉnh An Giang.

+ Phía Nam xã Thới Bình.

+ Phía Tây giáp xã Trí Phải (xã Trí Lược cũ) và xã Biển Bạch.

+ Phía Đông giáp xã Trí Phải (xã Tân Phú cũ).

- Thời hạn lập quy hoạch:

+ Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2035.

+ Giai đoạn dài hạn đến năm 2045.

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

### **2.1. Quan điểm**

Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045 là cơ sở pháp lý để cấp chính quyền địa phương triển khai các quy hoạch chi tiết, quản lý chặt chẽ các nguồn lực đất đai, các dự án đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng giao thông đô thị, duy trì và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cũng như môi trường bền vững, thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, góp phần thúc đẩy phát triển đô thị đạt các tiêu chuẩn đô thị và tiến tới thành lập chính quyền đô thị trong tương lai.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị mới Trí Phải theo kế hoạch; việc lập quy hoạch chung cho đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải là hết sức cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

### **2.2. Mục tiêu**

Cụ thể hoá mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau; Quy hoạch hệ thống đô thị trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2030; Quy hoạch tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, Quy hoạch vùng huyện Thới Bình (cũ) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phát huy tiềm năng và lợi thế của đô thị Trí Phải, phát triển tốt những ngành kinh tế có tiềm năng trong mối tương quan bền vững tổng thể và hài hòa của toàn nền kinh tế, môi trường và xã hội, đảm bảo định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

Quy hoạch các khu chức năng trong đô thị mới phù hợp với tiềm năng lợi thế để thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho đô thị.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng đô thị đạt yêu cầu của đô thị mới tiện nghi và hiện đại để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, đáp ứng nhu cầu phát triển của đô thị và ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình mới.

Làm cơ sở triển khai dự án đầu tư xây dựng quy hoạch chi tiết và đầu tư các dự án phức hợp lớn, trọng điểm, kết hợp tổng hợp đa dạng giữa văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ.

Làm cơ sở bước đầu để xây dựng đô thị Trí Phải đạt tiêu chuẩn đô thị theo quy định.

### 3. Tính chất

Là đô thị nông nghiệp thủy sản, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn với phát triển kinh tế, thương mại dịch vụ du lịch, là cực tăng trưởng vệ tinh của tiểu vùng I (tiểu vùng trung tâm).

Là cửa ngõ đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Bắc của tỉnh Cà Mau kết nối với tỉnh An Giang, phát triển thương mại, dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp, trên trục Quốc lộ Cà Mau - An Giang.

### 4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch, dự báo quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

#### 4.1. Quy mô dân số đô thị

Đến năm 2035 khoảng 20.400 người.

Đến năm 2045 khoảng 23.400 người.

#### 4.2. Quy mô đất đai đô thị

Đến năm 2035 khoảng 397,89 ha.

Đến năm 2045 khoảng 412,03 ha.

#### 4.3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Chỉ tiêu sử dụng đất đối với đô thị loại V

TT	Loại đất	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
1	Đất dân dụng	70-100
1.1	Đất đơn vị ở	25-45
1.2	Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị	≥ 7,2
1.3	Đất cây xanh cấp đô thị	≥ 4
1.4	Đất giao thông đô thị (tính đến đường khu vực)	≥ 13% ĐXDĐT
2	Đất ngoài dân dụng	Tính toán theo thực tế
3	Đất sản xuất nông, lâm nghiệp	Tính toán theo thực tế
4	Đất khác	Tính toán theo thực tế

b) Chỉ tiêu hạ tầng xã hội đối với đô thị và các khu chức năng của đô thị

- Bảng chỉ tiêu về hạ tầng xã hội cấp đô thị:

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
<b>1. Giáo dục</b>					
1. Trường trung học phổ thông, dạy nghề	Đô thị	Chỗ /1.000 người	40	m <sup>2</sup> /1 chỗ	15
<b>2. Y tế</b>					
Phòng khám đa khoa	Đô thị	Công trình/đô thị	1	m <sup>2</sup> /trạm	3.000
Bệnh viện đa khoa	Đô thị	giường/1.000 người	4	m <sup>2</sup> /giường bệnh	100
Nhà hộ sinh	Đô thị	giường/1.000 người	0,5	m <sup>2</sup> /giường	30
<b>3. Thể dục thể thao</b>					
Sân thể thao cơ bản	Đô thị			m <sup>2</sup> /người	0,6
				ha/công trình	1
Sân vận động	Đô thị			m <sup>2</sup> /người	0,8
				ha/công trình	2,5
Trung tâm TDTT	Đô thị			m <sup>2</sup> /người	0,8
				ha/công trình	3
<b>4. Văn hóa</b>					
Thư viện	Đô thị			ha/công trình	0,5
Bảo tàng	Đô thị			ha/công trình	1
Triển lãm	Đô thị			ha/công trình	1
Cung văn hóa	Đô thị	chỗ/1.000 người	8	ha/công trình	0,5
Cung thiếu nhi	Đô thị	chỗ/1.000 người	2	ha/công trình	1
5. Chợ	Đô thị	công trình	1	ha/công trình	0,8

- Bảng chỉ tiêu về hạ tầng xã hội cấp cấp đơn vị ở:

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
<b>A. Giáo dục</b>				
1. Trường mầm non	cháu/1.000 người	50	m <sup>2</sup> /cháu	12
2. Trường tiểu học	học sinh/1.000 người	65	m <sup>2</sup> /học sinh	10
3. Trường trung học cơ sở	học sinh/1.000 người	55	m <sup>2</sup> /học sinh	10
<b>B. Y tế</b>				
4. Trạm y tế	trạm	1	m <sup>2</sup> /trạm	500
<b>C. Văn hóa - Thể dục thể thao</b>				
5. Sân chơi			m <sup>2</sup> /người	0,5
6. Sân luyện tập			m <sup>2</sup> /người	0,5
			ha/công trình	0,3
7. Trung tâm Văn hóa - Thể	công trình	1	m <sup>2</sup> /công trình	5.000

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
thao				
<b>D. Thương mại</b>				
8. Chợ	công trình	1	m <sup>2</sup> /công trình	2.000

c) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đối với đô thị và các khu chức năng của đô thị:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức
1	Giao thông		
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường liên khu vực	% đất xây dựng đô thị	≥6
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường khu vực	% đất xây dựng đô thị	≥13
	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường phân khu vực	% đất xây dựng đô thị	≥18
	Mật độ đường trục chính đô thị	km/km <sup>2</sup>	0,83-0,5
	Mật độ đường chính đô thị	km/km <sup>2</sup>	1,5-1,0
	Mật độ đường liên khu vực	km/km <sup>2</sup>	3,2-2,0
2	Cấp nước		
	Sinh hoạt	Lít/người/ngđ	80
	Công trình Công cộng, dịch vụ	% cấp nước sinh hoạt	10
	Nước tưới cây, rửa đường	% cấp nước sinh hoạt	8
	Nước cho sản xuất nhỏ-TTCN	% cấp nước sinh hoạt	8
	Nước dự phòng, rò rỉ	% tổng công suất	15
	Nước phục vụ nhà máy, trạm cấp nước	% tổng công suất	4
3	Thoát nước thải		
	Sinh hoạt	Lưu lượng cấp nước sinh hoạt	80%
	Công cộng - dịch vụ	Lưu lượng cấp nước công cộng - dịch vụ	80%
4	Thu gom CTR	Kg/người/ngđ	0,8
5	Cấp điện		
	Điện năng sinh hoạt	Kwh/người/năm	1.000
	Phụ tải	W/người	330
	Công cộng - dịch vụ	% phụ tải điện sinh hoạt	30
	Chiếu sáng đường phố	W/m <sup>2</sup>	1,0
	Công viên vườn hoa	W/m <sup>2</sup>	0,5
	Cấp điện công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	KW/ha	140

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Định mức
	Cấp điện kho tàng	KW/ha	50

## 5. Các nội dung chính của quy hoạch

### 5.1. Định hướng phát triển không gian đô thị

#### a) Mô hình đô thị

- Xây dựng các tiêu chí xây dựng ứng dụng mô hình đô thị “bọt biển”.

- Trồng nhiều cây xanh để tạo bóng mát cho đường phố, phủ xanh mái nhà bằng cỏ và rêu, sơn các tòa nhà màu sáng để phản chiếu ánh sáng, phủ các tuyến đường bằng lớp vật liệu cản nhiệt, hạn chế hiện tượng chảy nhựa vào thời điểm nắng nóng cực đoan.

- Giữ gìn các không gian mặt nước, kênh mương hiện trạng. Tăng cường nạo vét khơi thông dòng chảy. Bổ sung các không gian mặt nước hồ điều hòa, không gian xanh, sử dụng các vật liệu nhẹ, xốp có khả năng chống thấm nước mưa hiệu quả...

- Quy hoạch các vùng trữ nước ngọt từ nhỏ đến lớn, thiết kế kênh mương thấm nước, tạo ao và đầm lầy trong đô thị. Các bãi đỗ xe, công viên, vườn, sân nhỏ và dải phân cách được cải tạo để tăng khả năng thấm nước. Tận dụng đất trũng và vùng ven đô để thấm nước tự nhiên trước khi dùng hệ thống thoát nước nhân tạo.

- Các công trình lớn phải có khả năng tích trữ nước, sử dụng nước tái tạo để tưới cây, rửa đường và làm mát công trình, xả nước ra hệ thống thoát nước sau khi mùa mưa đã qua.

#### b) Hướng phát triển đô thị

- Phát triển đô thị dọc theo trục chính đô thị song song với Quốc lộ 63, ĐT.983 hình thành cụm đô thị trung tâm mới, đây là hướng phát triển chủ đạo, đóng vai trò hình thành bản sắc cấu trúc đô thị.

- Phát triển 2 bên kênh xáng Chắc Băng, kênh xáng Chợ Hội, không những kết nối về không gian, mà còn kết nối về chức năng và hình thành khu ở sinh thái, kết hợp thương mại dịch vụ giúp khu trung tâm mở rộng, cân đối cho toàn đô thị.

- Phát triển các khu chức năng cụm công nghiệp về hướng Tây Nam, trung tâm xã Thới Bình. Khu chức năng logistic về hướng Đông Nam hướng về cao tốc Cà Mau - Cần Thơ.

- Phát triển cụm công nghiệp Trí Phải, xã Trí Phải các ngành nghề: Sơ chế, chế biến nông sản, và gia công các sản phẩm may mặc ( không có công đoạn giặt tẩy), sản xuất nhựa gia dụng, nhôm gia dụng và cao cấp (không tái chế).

- Phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, phát triển các loại hình hạ tầng thương mại như: Trung tâm thương mại, siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ, phát triển dịch vụ logistics...

- Khu vực xây dựng mới chủ yếu lựa chọn vào các vùng đất trống và đất nông nghiệp.

c) Kết nối giao thông và hạ tầng

- Giao thông đường bộ: Tăng cường phát triển hạ tầng giao thông kết nối với đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và các tuyến đường nội đô để kết nối các khu vực lân cận; đặc biệt đường tránh phía Nam sẽ phục vụ cho việc di chuyển trong khu vực đô thị mới và trung tâm hành chính mới của xã.

- Giao thông đường thủy: Phát triển hệ thống giao thông đường thủy với các bến thủy nội địa trong khu vực xã Trí Phải và các địa phương lân cận thông qua kênh xáng Chắc Băng, kênh xáng Chợ Hội, khai thác tiềm năng du lịch ven sông.

- Hạ tầng dịch vụ đô thị: Cải thiện và mở rộng hệ thống cung cấp nước sạch, điện, viễn thông và xử lý rác thải cho toàn khu đô thị mới và hiện hữu, đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người dân và dịch vụ cho du khách.

- Hạ tầng thông tin và truyền thông cần được ưu tiên phát triển tập trung, hiện đại, thông minh, đồng bộ, rộng khắp, đón đầu xu hướng mới, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số theo quy hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số có hiệu quả trên cơ sở dùng chung, chia sẻ hạ tầng.

**5.2. Quy hoạch sử dụng đất đô thị theo các giai đoạn**

a) Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2035

- Khu đất dân dụng: 397,89 ha.
- Khu đất ngoài dân dụng: 271,40 ha.
- Khu đất nông nghiệp và chức năng: 3.075,41 ha.

b) Giai đoạn dài hạn đến năm 2045

- Khu đất dân dụng: 412,03 ha.
- Khu đất ngoài dân dụng: là 332,54 ha.
- Khu đất nông nghiệp và chức năng khác: 3.000,13 ha.

<b>Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn</b>					
<b>TT</b>	<b>Chức năng sử dụng đất</b>	<b>Quy hoạch đến năm 2035</b>		<b>Quy hoạch đến năm 2045</b>	
		<b>Diện tích</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Tỷ lệ</b>
		<b>ha</b>	<b>%</b>	<b>ha</b>	<b>%</b>
	<b>Tổng diện tích lập quy hoạch</b>	<b>3.744,70</b>	<b>100</b>	<b>3.744,70</b>	<b>100</b>
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>397,89</b>	<b>10,63</b>	<b>412,03</b>	<b>11,00</b>
1	Nhóm nhà ở	279,61	7,47	293,75	7,84
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	220,45	5,89	220,45	5,89

1.2	Đất nhóm nhà ở mới	59,16	1,58	73,29	1,96
-	Đất ở mới	27,63	0,74	41,77	1,12
-	Đất tái định cư	31,52	0,84	31,52	0,84
3	Hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	11,70	0,31	11,70	0,31
4	Giáo dục	9,65	0,26	9,65	0,26
-	Trường THPT	2,17	0,06	2,17	0,06
-	Trường THCS, tiểu học, mầm non	7,47	0,20	7,47	0,20
	<i>Trường mầm non</i>	<i>2,91</i>	<i>0,08</i>	<i>2,91</i>	<i>0,08</i>
	<i>Trường tiểu học</i>	<i>2,68</i>	<i>0,07</i>	<i>2,68</i>	<i>0,07</i>
	<i>Trường THCS</i>	<i>1,89</i>	<i>0,05</i>	<i>1,89</i>	<i>0,05</i>
5	Dịch vụ - công cộng khác cấp đô thị	6,36	0,17	6,36	0,17
6	Cơ quan, trụ sở đô thị	2,97	0,08	2,97	0,08
7	Cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	20,61	0,55	20,61	0,55
8	Giao thông đô thị	66,99	1,79	66,99	1,79
<b>B</b>	<b>Khu đất ngoài dân dụng</b>	<b>271,40</b>	<b>7,25</b>	<b>332,54</b>	<b>8,88</b>
1	Sản xuất công nghiệp kho tàng	47,22	1,26	77,53	2,07
-	Đất công nghiệp	25,35	0,68	55,65	1,49
-	Đất kho tàng, logistics	21,88	0,58	21,88	0,58
2	Dịch vụ, du lịch	9,66	0,26	11,13	0,30
3	Trung tâm văn hoá, thể dục thể thao	5,49	0,15	5,49	0,15
4	Cây xanh sử dụng hạn chế	0,00	0,00	8,23	0,22
5	Cây xanh chuyên dụng	60,52	1,62	60,52	1,62
6	Di tích, tôn giáo	1,74	0,05	1,74	0,05
7	An ninh	3,63	0,10	3,63	0,10
8	Quốc phòng	0,35	0,01	0,35	0,01
9	Giao thông đối ngoại	105,59	2,82	105,59	2,82
10	Hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	8,63	0,23	8,63	0,23
11	Nghĩa trang	2,10	0,06	2,10	0,06
12	Hỗn hợp không ở	26,47	0,70	46,06	1,26
<b>C</b>	<b>Đất nông nghiệp và chức năng khác</b>	<b>3.075,41</b>	<b>82,13</b>	<b>3.000,13</b>	<b>80,12</b>
1	Sản xuất nông nghiệp	2.552,29	68,16	2.353,72	62,85
2	Nuôi trồng thủy sản	384,55	10,27	384,55	10,27
3	Dự trữ phát triển	0,00	0,00	120,84	3,23
4	Hồ, ao, đầm	4,81	0,13	7,27	0,19
5	Sông, suối, kênh, rạch	133,75	3,57	133,75	3,57

### 5.3. Quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

#### a) Xác định các vùng cảnh quan

*Khu vực cải tạo và chỉnh trang đô thị hiện hữu:*

- Khu vực nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang đô thị có quy mô khoảng 220,45 ha phân bố rải rác. Tập chung chủ yếu tại khu vực các Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6, Ấp 10 trên địa bàn dân cư bám dọc theo các tuyến đường liên thôn, ấp hoạt động sinh sống gắn liền với sản xuất nông nghiệp.

- Đầu tư xây dựng chỉnh trang, tái thiết các công trình kiến trúc xuống cấp tại khu ở hiện trạng. Nâng cấp mở rộng các tuyến đường liên khu dân cư bố trí đầy đủ các hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp thoát nước đô thị đảm bảo đúng quy định, giảm thiểu tối đa ngập lụt vào mùa mưa.

- Bố trí bổ sung các công trình hạ tầng xã hội: công viên cây xanh cấp đô thị, công viên cây xanh các khu ở hiện trạng phục vụ nâng cao chất lượng đời sống sinh hoạt người dân địa phương.

- Cải tạo phát huy được lợi thế hệ thống cảnh quan sinh thái đa dạng kết hợp không gian mặt nước hiện hữu tạo cảnh quan xanh. Quy hoạch các không gian xanh dọc theo các tuyến kênh nhằm mục đích bảo vệ kênh, sử dụng các giải pháp thông minh gia cố bờ kè thân thiện với môi trường, hài hòa với tự nhiên. Tận dụng cảnh quan thiên nhiên phong phú bố trí các quỹ đất ở sinh thái mật độ xây dựng thấp tạo động lực phát triển mô hình sinh thái xanh - sạch- đẹp.

*Khu vực dự kiến phát triển mới:*

- Bố trí quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp Trí Phải, khu logistic khuyến khích các ngành nghề hạn chế chất thải, khí thải ra môi trường. Nhằm thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, giao thương hàng hóa, bố trí quỹ đất các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại khu vực cửa ngõ đô thị và bám dọc theo trục đường Quốc lộ 63, ĐT.983.

- Xây dựng đô thị mới, khu dịch vụ - công khác cấp đô thị (thương mại dịch vụ, nhà hàng, khách sạn...) dọc các trục đường chính đô thị, liên khu vực; đầu tư đồng bộ công trình hạ tầng đảm bảo chất lượng và phát triển dân cư đô thị nhằm tiếp cận thuận lợi với các trục giao thông, đặc biệt kết nối trực tiếp với tuyến đường đối ngoại Quốc 63, ĐT.983.

- Bố trí quỹ đất thương mại với quy mô lớn kết hợp với mạng lưới giao thông và khu dân cư hiện hữu làm động lực thu hút đầu tư xây dựng phát triển các phân khu.

*Khu vực bảo tồn:* Công trình kiến trúc bia tưởng niệm cây vú sữa miền Nam với Bác Hồ đến nay vẫn được gìn giữ để nhắc nhở người dân địa phương về tình cảm thiêng liêng của các thế hệ cha ông dành cho Đảng. Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế mở ra nhiều cơ hội giao lưu, hợp tác cũng đang đặt ra không ít khó khăn thách thức trong việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Vì vậy, khu vực này cần bảo tồn để gìn giữ nét đẹp văn hóa của các công trình lịch sử trên địa bàn xã Trí Phải nói riêng và tỉnh Cà Mau nói chung; đồng thời cần xây dựng phát triển mô hình du lịch cộng đồng về nguồn; tuyên truyền, quảng bá sâu rộng hình ảnh cây vú sữa người dân miền Nam với Bác Hồ.

*Khu vực dũ trữ phát triển:*

- Khu vực đất dự trữ phát triển được bố trí tập chung chủ yếu phía Bắc kênh xáng Chợ Hội, một phần thuộc Ấp 1, Ấp 3, Ấp 5 với quy mô khoảng 120,84 ha nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng đất đai của địa phương theo giai đoạn, kế hoạch cụ thể thúc đẩy phát triển kinh tế, an sinh xã hội trong khu vực.

- Chức năng cụ thể các ô đất dũ trữ phát triển (y tế, giáo dục, cụm công nghiệp, đất xây dựng đô thị mới, tái định cư...) được xác định dựa trên nhu cầu thực tế của địa phương; xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể quy định chức năng ô đất theo đúng thẩm quyền quy định và các văn bản pháp luật nhà nước hiện hành.

*Khu vực cấm xây dựng:*

- Quy định cụ thể về đất không được phép xây dựng đối với khu vực cấm xây dựng đã được xác định, cấm mốc cụ thể.

- Xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh.

## b) Định hướng tổ chức không gian các khu trung tâm

*Khu trung tâm chính trị - hành chính:*

- Vị trí: Khu vực trung tâm hành chính cần nằm gần khu nội đô hiện hữu, nơi có dân cư sinh sống đông đúc và hạ tầng giao thông thuận tiện, nhằm dễ dàng phục vụ người dân và quản lý đô thị.

- Không gian kiến trúc: Các công trình hành chính cần có thiết kế hiện đại, đơn giản, đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng đất và phục vụ cộng đồng. Không gian cây xanh và khu vực đậu xe nên được tổ chức hợp lý để tạo không gian thông thoáng và tiện nghi

*Khu dịch vụ - công cộng khác cấp đô thị:*

- Vị trí: Khu dịch vụ, công cộng khác cấp đô thị được bố trí ở các vị trí thuận lợi kết nối giao thông, phân bố chủ yếu dọc theo trục chính đô thị kết nối trực tiếp Quốc lộ 63, ĐT.983 đóng vai trò là công trình điểm nhấn, thu hút đầu tư thúc đẩy kinh tế toàn đô thị.

- Không gian kiến trúc: Các công trình khu vực trung tâm đô thị, phát triển nhóm nhà ở kết hợp trung tâm thể dục thể thao đô thị, được bố trí với mật độ xây dựng, tầng cao trung bình đảm bảo không gian thông thoáng, hạn chế chắn tầm nhìn khu vực trung tâm hành chính. Công trình công nghiệp, logistic khác bố trí tại các khu vực cửa ngõ với tầng cao tối đa 15 tầng với kiến trúc công trình hiện đại, đa dạng hình thái kiến trúc, tạo điểm nhấn khi di chuyển vào trung tâm đô thị.

*Khu trung tâm văn hóa - thể thao:*

- Vị trí: Khu vực văn hóa - thể thao có thể được bố trí gần khu vực dân cư, thuận tiện cho người dân tiếp cận, tạo điều kiện cho việc phát triển cộng đồng và giao lưu văn hóa địa phương.

- Không gian kiến trúc: Các công trình như nhà văn hóa, sân vận động nhỏ, các khu vực thể thao ngoài trời nên có thiết kế linh hoạt, vừa đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương vừa có thể phục vụ cho khách du lịch với quy mô nhỏ. Cấu trúc nên kết hợp với không gian xanh để tạo ra sự gắn kết giữa con người và thiên nhiên.

*Khu công viên cây xanh:* Khu vực phát triển không gian cảnh quan, cây xanh mặt nước, kết hợp với cảnh quan tự nhiên, kết nối với mô hình du lịch canh nông tại Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, hình thành các lá phổi xanh, điều hòa khí hậu cho đô thị. Các khu vực cây xanh chuyên đề trồng các loại hoa, cây trồng đặc trưng vùng đồng bằng sông Cửu Long, tạo điểm nhấn không gian xanh toàn đô thị.

#### **5.4. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

##### 5.4.1. Cao độ nền và thoát nước mưa

###### a) Quy hoạch cao độ nền

Cao độ nền xây dựng khu quy hoạch tuân thủ theo các quy hoạch đã được phê duyệt và căn cứ vào cao độ các khu vực lân cận, trên cơ sở đó xác định  $H_{xd} \geq +1,70m$  là phù hợp định hướng tổng thể toàn khu vực.

###### b) Thoát nước mưa

Khu vực nghiên cứu có hướng dốc chính từ Bắc xuống Nam và Tây sang Đông dẫn ra kênh xáng Chắc Bông, kênh xáng Chợ Hội và hệ thống kênh hiện có, theo hướng thoát nước của địa hình tự nhiên khu đất thoát ra các kênh.

Khu vực nghiên cứu được chia làm 04 lưu vực chính:

- Lưu vực 1: Diện tích lưu vực 557,96 ha; hướng thoát nước ra kênh Kiểm Lâm và kênh xáng Chắc Bông.

- Lưu vực 2: Diện tích lưu vực 1604,18 ha; hướng thoát nước ra kênh tiêu hiện có dẫn ra kênh chính Xáng Chắc Bông và kênh Xáng Chợ Hội.

- Lưu vực 3: Diện tích lưu vực 813,05 ha; hướng thoát nước ra kênh xáng Chắc Bông và kênh xáng Chợ Hội.

- Lưu vực 4: Diện tích lưu vực 769,32 ha; hướng thoát nước ra kênh xáng Chắc Bông và kênh Kiểm Lâm.

Nạo vét, cải tạo hệ thống kênh rạch để đảm bảo khả năng thoát nước.

Hệ thống cống thoát nước sử dụng cống bê tông cốt thép có khả năng chịu lực, kích thước cống đường kính D600 đến D2000.

Xây dựng bổ sung 03 hồ điều hòa để dự trữ nguồn nước ngọt cung cấp cho khu đô thị trong mùa khô và phục vụ sản xuất nông nghiệp.

##### 5.4.2. Quy hoạch hệ thống giao thông

## a) Giao thông đối ngoại

- Tuyến Quốc lộ 63: Đoạn đi qua đô thị Trí Phải đảm nhận hai chức năng vừa là đường đối ngoại vừa là đường chính đô thị; đầu tư xây dựng đường đô thị theo quy hoạch đô thị mới Trí Phải, lộ giới tuyến đường 26 - 52m.

- Đường tỉnh ĐT.983: Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 gần Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, điểm cuối gần xã Thới Bình; nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, 2 - 4 làn xe. Đoạn qua đô thị mới Trí Phải đảm nhận hai chức năng vừa là đường đối ngoại vừa là đường chính đô thị; đầu tư xây dựng đường đô thị theo quy hoạch đô thị mới Trí Phải, lộ giới tuyến đường từ 14 - 22m.

- Đường ĐH.06B: Điểm đầu giao với ĐH.07 tại xã Trí Phải, điểm cuối giao với ĐH.02C dự kiến tại xã Biển Bạch. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải quy hoạch đường đô thị, lộ giới tuyến đường 11,0m.

- Đường ĐH.06: Điểm đầu giao với ĐH.07 tại xã Trí Phải, điểm cuối giao với tuyến đi xã Trí Lực, nay là xã Trí Phải. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải quy hoạch là đường đô thị, lộ giới tuyến đường 11,0m.

- Đường ĐH.07B: Kéo dài tuyến ĐH.07B hiện hữu tại xã Biển Bạch, tuyến chạy dọc theo kênh Hạc, điểm cuối giao với ĐT.983C tại xã Tân Phú, nay là xã Trí Phải. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải quy hoạch là đường đô thị, lộ giới tuyến đường 11,0m.

- Đường ĐH.04D: Điểm đầu giao với ĐT.983B tại xã Thới Bình, điểm cuối giao với ĐH.07B (kéo dài) tại xã Trí Phải, tuyến dài khoảng 15,3km. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải theo quy hoạch là đường đô thị, lộ giới tuyến đường 11,0m.

- Đường ĐH.05B: Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 tại xã Trí Phải, điểm cuối giao với đường ĐT 983C tại xã Tân Phú, nay là xã Trí Phải, tuyến dài khoảng 10km. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải quy hoạch là đường đô thị, lộ giới tuyến đường 11,0m.

- Đường ĐH.01C: Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 tại xã Trí Phải, điểm cuối giao với tuyến đường thuộc xã Trí Lực cũ. Quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 làn xe. Đoạn đi qua đô thị mới Trí Phải quy hoạch là đường đô thị, lộ giới tuyến đường 20,5m.

## b) Giao thông đối nội

- Đường chính đô thị:

+ Tuyến Quốc lộ 63: Đoạn đi qua đô thị Trí Phải đảm nhận hai chức năng vừa là đường đối ngoại, vừa là đường chính đô thị; đầu tư xây dựng đường đô thị theo quy hoạch đô thị mới Trí Phải, lộ giới tuyến đường 26 - 52m.

+ Đường tỉnh ĐT.983: Điểm đầu giao với Quốc lộ 63 gần Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, điểm cuối gần xã Thới Bình, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III

đồng bằng, 2 - 4 làn xe. Đoạn qua đô thị mới Trí Phải đảm nhận hai chức năng, vừa là đường đối ngoại, vừa là đường chính đô thị; đầu tư xây dựng đường đô thị theo quy hoạch đô thị mới Trí Phải, lộ giới tuyến đường 14 - 22m.

- Đường liên khu vực: Quy hoạch có chiều rộng lộ giới từ 30 - 52m.
- Đường chính khu vực: Quy hoạch có chiều rộng lộ giới từ 25 - 30m.
- Đường khu vực: Quy hoạch có chiều rộng lộ giới từ 16 - 20,5m.

Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây dựng mới hệ thống đường liên khu vực, đường khu vực trong các khu vực phát triển mới.

Hệ thống đường khu vực, đường chính khu vực được kết nối đồng bộ với hệ thống đường giao thông đối ngoại đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn tạo thành mạng giao thông hoàn chỉnh.

Quy hoạch các bãi đỗ xe đảm bảo bán kính phục vụ, nhu cầu theo quy định.

#### c) Giao thông thủy

- Kênh xáng Chắc Băng do Trung ương quản lý, dài khoảng 8,50 km, cấp III.
- Kênh xáng Chợ Hội do tỉnh Cà Mau quản lý, dài khoảng 7,20 km, cấp IV.

Tăng cường nạo vét kênh, rạch để tăng khả năng tiêu thoát nước và luồng lạch đảm bảo vận tải đường thủy được lưu thông.

#### d) Bến bãi

Quy hoạch mới 01 bến thủy nội địa và nâng cấp cải tạo 01 bến thủy hiện hữu:

- Nâng cấp, cải tạo bến thủy nội địa Trí Phải dọc theo kênh xáng Chắc Băng thuộc trung tâm xã Trí Phải.

- Quy hoạch mới bến thủy nội địa Trí Phải nằm ở phía Đông Nam xã, hướng đi cao tốc Bắc Nam, dọc theo kênh Xáng Chợ Hội thuộc trung tâm xã Trí Phải.

Nhằm đảm bảo nhu cầu xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa đến bến và vai trò bến trung chuyển hàng hóa giữa đường bộ, đường thủy cần kết hợp bố trí các bến hàng trong phạm vi các bến thủy nội địa.

- Bến xe: Vị trí tại tuyến đường tránh phía Nam, diện tích khoảng 0,64 ha.

### 5.4.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

#### a) Nguồn cấp

- Giai đoạn ngắn hạn tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm với các trạm cấp nước cục bộ theo từng khu vực.

- Giai đoạn đến năm 2035 dự kiến xây dựng nhà máy nước tại Ấp 2 xã Trí Phải và 01 nhà máy nước Cụm công nghiệp Trí Phải tại Ấp 1 theo Quy hoạch vùng huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra giai đoạn 2030 bổ sung thêm nguồn nước mặt từ nhà máy nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đưa về, cung cấp cho tỉnh theo Quy hoạch cấp nước đô thị vùng tỉnh đến năm 2030 và Quy hoạch cấp nước vùng đồng bằng sông

Cửu Long định hướng đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050. Tuyến ống cấp nước của vùng đồng bằng sông Cửu Long đi trên tuyến Quốc lộ 1.

- Nguồn cấp nước thô cho nhà máy nước dự kiến là nguồn nước mặt tại kênh xáng Chắc Băng và kênh xáng Chợ Hội.

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn khu khoảng 6.600 m<sup>3</sup>/ngđ. Trong đó quy hoạch trạm cấp nước sạch cho khu dân cư đô thị Trí Phải (giai đoạn đến năm 2035 là 4.550 m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn đến năm 2045 là 5.300 m<sup>3</sup>/ngđ) và trạm cấp nước cho cụm công nghiệp riêng biệt (giai đoạn đến năm 2035 là 650 m<sup>3</sup>/ngđ, giai đoạn đến năm 2045 là 1.400 m<sup>3</sup>/ngđ).

#### b) Nguyên tắc xây dựng mạng lưới ống cấp nước

Các tuyến ống chính cấp I được bố trí trên các tuyến đường chính, đấu nối với nhau tạo thành mạng khép kín, bên trong mạng cấp I là các mạng cấp II và mạng ống nhanh. Mạng lưới tuyến ống đơn giản, rút ngắn chiều dài tuyến ống đồng thời giảm chi phí và tổn thất thủy lực trên tuyến. Tuyến ống đặt dọc theo vỉa hè trong điều kiện địa chất ổn định, hạn chế việc đất ống cắt ngang qua đường, tạo điều kiện cho ống làm việc ổn định lâu dài. Mạng lưới đường ống sử dụng mô hình mạng hỗn hợp, bao gồm mạng vòng kết hợp mạng cụt nhằm truyền dẫn nước liên tục cho những đối tượng sử dụng nước quan trọng, đảm bảo độ an toàn cao, đồng thời phân phối tốt cho toàn khu.

#### 5.4.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

##### a) Thoát nước thải

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho khu dân cư đô thị Trí Phải: Giai đoạn đến năm 2035 là 2.700m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn đến năm 2045 là 3.000m<sup>3</sup>/ngđ.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng cho cụm công nghiệp Trí Phải: Giai đoạn đến năm 2035 là 650 m<sup>3</sup>/ngđ; giai đoạn đến năm 2045 là 1.400 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Khoảng cách ly an toàn từ trạm xử lý nước thải đến ranh công trình tối thiểu là 20m.

- Công thoát nước thải được bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông, đường kính D300 đến D500mm, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,5m tính từ mặt đất đến đỉnh cống. Giếng kỹ thuật được xây dựng kín, có nắp đậy, có tác dụng thu gom nước thải sinh hoạt và thăm kỹ thuật. Việc bố trí công thoát nước thải phải được phối hợp với các công trình ngầm khác để đảm bảo thuận tiện cho công tác xây dựng và khai thác sử dụng.

##### b) Chất thải rắn

- Dự báo tổng lượng chất thải rắn giai đoạn 2035 là 19,58 tấn/ng.đ, giai đoạn 2045 là 22,46 tấn/ng.đ.

- Chất thải rắn chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, được thu gom 100% và đưa đến các điểm tập trung chất thải rắn để phân loại tại nguồn, thu gom và lưu trữ tại

trạm xử lý nước thải tập trung tại Ấp 1, sau đó được trung chuyển đến khu xử lý tập trung rác thải sinh hoạt theo quy định.

- Ngoài ra bố trí các điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại các lô đất cây xanh, rác thải sau khi tập kết được chuyển về điểm tập trung chất thải rắn của khu vực theo quy hoạch.

- Giai đoạn dài hạn: Quy hoạch mới bãi rác tập trung nằm tại Ấp 5, diện tích khoảng 1,96 ha.

#### c) Nghĩa trang

- Sử dụng nghĩa trang hiện có tại đô thị, nâng cấp, cải tạo và tạo hành lang cây xanh tạo mỹ quan đô thị.

- Quy tập các mộ về nghĩa trang tập trung khi có nhu cầu về đất xây dựng.

- Đầu tư phát triển dịch vụ an táng, xây dựng nhà tang lễ đáp ứng nhu cầu an táng trên địa bàn. Các nhà đầu tư được phép đầu tư xây dựng, vận hành nghĩa trang theo mô hình được pháp luật quy định.

- Công tác quản lý xây dựng, sử dụng nghĩa trang cơ sở hỏa táng thực hiện theo quy định về xây dựng, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

- Khuyến khích nhân dân áp dụng hình thức an táng hiện đại, văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường như hỏa táng, an táng một lần.

- Quy hoạch mới nhà tang lễ tập trung phía Bắc khu trung tâm, tổng diện tích nhà tang lễ khoảng 1,10ha.

#### 5.4.5. Quy hoạch hệ thống quy hoạch cấp điện

- Dự báo tổng công suất toàn đô thị đến năm 2035 là 17.650 kvA và đến năm 2045 là 23.600 kvA.

- Nguồn cấp điện chính hiện nay cho xã Trí Phải lấy từ đường dây trung thế 03 pha 478VT thuộc trạm 110Kv Vĩnh Thuận và tuyến đường dây trung thế 03 pha 476TB thuộc trạm 110Kv Thới Bình.

- Dự kiến xây dựng mới đường dây 110Kv An Xuyên - Vĩnh Thuận và nhánh rẽ trạm 110Kv Thới Bình để đảm bảo cung cấp điện theo nhu cầu phát triển các khu vực dân cư thị trấn, các khu đô thị xây dựng mới, các khu dân cư nông thôn, cùng các hoạt động thương mại, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản... của khu vực.

#### 5.4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động

- Dự báo tổng số thuê bao dự kiến đến năm 2035 là 42.850 thuê bao và đến năm 2045 là 49.150 thuê bao.

- Nguồn cấp lấy từ hệ thống cáp viễn thông từ tổng đài trung tâm đô thị Trí Phải thông qua tuyến cáp quang liên vùng theo quy hoạch tỉnh Cà Mau.

- Xây dựng mạng lưới hạ tầng viễn thông đảm bảo cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông với việc sử dụng công nghệ hiện đại nhất để phục vụ nhu cầu của người dân. Hệ thống cáp viễn thông, hộp nối được bố trí đi ngầm trong hệ thống

công, bề để bảo đảm chất lượng thông tin, mỹ quan, an toàn và đồng bộ với cơ sở hạ tầng khác.

- Định hướng xây dựng các trạm BTS thân thiện với môi trường; dự kiến các vị trí xây dựng trạm BTS để đảm bảo khi sử dụng công nghệ 4G, 5G đáp ứng được nhu cầu của khách... đảm bảo khoảng cách các cột ăngten lắp đặt trạm BTS.

### **5.5. Biện pháp bảo vệ môi trường**

- Phân vùng bảo vệ môi trường để bảo tồn cảnh quan, môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học trong quá trình phát triển đô thị.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng đô thị, xây dựng các dự án, đảm bảo phù hợp với cảnh quan của khu vực, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng; giải phóng mặt bằng và thi công phải đảm bảo an toàn cho các công trình lân cận và vệ sinh môi trường. Chất lượng không khí, tiếng ồn, tài nguyên đất, mặt nước, nước ngầm phải đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy định hiện hành về vệ sinh môi trường trong quá trình thi công và hoàn thành đưa dự án đi vào hoạt động.

- Cải tạo hệ thống sông, kênh, rạch; tổ chức không gian xanh, các không gian mở trong đô thị. Tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, vườn ươm... với mục tiêu tạo không gian cảnh quan và điều hòa vi khí hậu.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, thu gom chất thải rắn theo quy hoạch, đảm bảo nước thải được xử lý đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi xả ra môi trường.

- San nền theo nguyên tắc tôn trọng địa hình tự nhiên; hạn chế bê tông hóa bề mặt đô thị và khai thác trái phép nguồn nước ngầm.

- Tạo hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch... trồng cây xanh bóng mát dọc các trục giao thông chính, cây xanh cách ly các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối.

- Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước đồng bộ, bao phủ để bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Khuyến khích dùng hình thức hỏa táng, giảm dần hình thức hung táng, chôn cất một lần nhằm tiết kiệm đất đai, giảm tối đa ảnh hưởng đến môi trường.

### **5.6. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện**

- Các dự án ưu tiên đầu tư: Dự án khu Ủy ban nhân dân mới; + Dự án khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao; Dự án các tuyến cầu gia tăng kết nối; Dự án tuyến đường tránh QL.63; Dự án nạo vét, mở rộng hệ thống kênh hiện có để tăng cường khả năng thoát nước và xây dựng hành lang bảo vệ kênh; Dự án xây mới 3 hồ điều hòa phụ vụ dự trữ nước ngọt vào mùa khô; Dự án xây mới trạm xử lý nước thải đô thị...

- Nguồn lực thực hiện: Huy động mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng, phát triển Đô thị Trí Phải. Trong đó, nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, tập trung đầu tư các công trình hạ tầng khung, làm đòn bẩy để thúc đẩy các nguồn lực khác tham gia đầu tư.

### **5.7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch**

Được ban hành kèm theo Quyết định này là các quy định cụ thể về nguyên tắc phát triển; việc quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị, ngoài đô thị, khu chức năng khác trong phạm vi đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Xây dựng**

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nội dung, thông tin và các số liệu, bản vẽ của hồ sơ đồ án, Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045 và nội dung báo cáo thẩm định.

- Đảm bảo hồ sơ đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau đến năm 2045 thống nhất, đồng bộ giữa thuyết minh, bản vẽ và quy định quản lý; phù hợp với nội dung Quyết định đã được phê duyệt và thực hiện lưu trữ theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Lập hồ sơ quản lý mốc giới thông qua ứng dụng phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư số 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

##### **2. Ủy ban nhân dân xã Trí Phải**

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

- Tổ chức lập quy hoạch chi tiết khu vực trung tâm đô thị mới Trí Phải khi đồ án quy hoạch chung được phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch chung đô thị mới Trí Phải theo tiến độ và trình tự ưu tiên. hướng dẫn kiểm tra việc triển khai thực hiện; giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện khác theo yêu cầu quy hoạch được duyệt.

- Các nội dung khác không có trong Quyết định này đối với phân diện tích tự nhiên xã Trí Lực (cũ) và xã Tân Phú (cũ) được thực hiện theo quy hoạch chung xã (cũ) đã được phê duyệt đến khi có văn bản khác của cấp thẩm quyền điều chỉnh hoặc thay thế.

3. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ được phân công có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân xã Trí Phải triển khai và cụ thể hóa quy hoạch đô thị được phê duyệt.

#### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Sở Xây dựng (5b);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn 4/02/11)
- Lưu VT, TH18/02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Văn Bi**